

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26 – 8 -2022

V/v: “*Tranh chấp Hôn nhân và gia đình*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Xuân Bộ

Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Hồng Canh

Ông Nguyễn Thành Lâm

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Như Quỳnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Hà Thị Phương Thảo - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 8 năm 2022. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 43/2022/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp “Hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị A, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Khu 1, xã TV, huyện Thanh Thủy, Phú Thọ.

(Có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Bá T, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Khu 1, xã TV, huyện Thanh Thủy, Phú Thọ.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án – Nguyên đơn chị Nguyễn Thị A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Nguyễn Bá T ngày 15/11/2004 đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã TV, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung. Tình cảm vợ chồng bước đầu hoà thuận hạnh phúc. Đến ngày 15/11/2019 thì vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tình cảm thay đổi, hai bên không hợp nhau, không có tiếng nói chung, không cùng quan điểm sống. Từ ngày 15/11/2019, chị và anh T đã sống

ly thân. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

Về con chung: Chúng tôi có hai con chung:

Cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 24/8/2005.

Cháu Nguyễn Bảo K, sinh ngày 16/4/2015.

Ly hôn chị tôn trọng quyền lựa chọn của hai cháu.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị A đề nghị tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

****Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh Nguyễn Bá T đến làm việc và thông báo cho anh T đến tham gia các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do.***

Tòa án làm việc cùng bà Nguyễn Thị Sự là mẹ đẻ của anh T cho biết:

Anh T và chị A kết hôn năm 2004, sau khi kết hôn anh chị sống chung một thời gian thì chị A đi nước ngoài làm ăn, có quan hệ ngoại tình với người khác. Đến nay anh T đang đi làm gạch ở Bình Dương, thỉnh thoảng có về và thường xuyên điện thoại liên lạc về nhà. Tòa án huyện Thanh Thủy có gửi thông báo thụ lý và giấy triệu tập cho anh T đến Tòa án huyện Thanh Thủy làm việc nhưng vì đang đi làm xa nên anh T không về được, bà đã thông báo cho anh T nội dung làm việc của Tòa án. Quan điểm của anh T thông qua bà là anh T đồng ý ly hôn. Về con chung: anh chị có 2 con chung. Quan điểm của anh T là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung, vay nợ và các vấn đề khác: đề nghị tự thỏa thuận.

Qua xác minh tại khu dân cư, Ủy ban nhân dân xã TV và Hội liên hiệp phụ nữ xã TV, xác định: Chị A và anh T đăng ký kết hôn với nhau năm 2004 tại UBND xã TV, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Về mâu thuẫn vợ chồng của anh T và chị A địa phương có nắm được. Khi chị A đi nước ngoài làm ăn đã có quan hệ ngoại tình, vợ chồng anh chị đã sống ly thân từ năm 2019. Hiện nay anh T vừa đi làm ở Bình Dương. Nay chị A xin ly hôn, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết vụ án bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên đương sự.

****Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy tại phiên tòa:***

- Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành các quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị A, xử cho chị A được ly hôn anh T.

Về con chung:

Giao cả hai con chung là cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 24/8/2005 và cháu Nguyễn Bảo K, sinh ngày 16/4/2015 cho chị Nguyễn Thị A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: Chị A phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên toà hôm nay. Hội đồng xét xử(HĐXX) nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho anh T về việc thụ lý vụ án và nhiều lần triệu tập, thông báo cho anh T đến Tòa án để giải quyết vụ án, tuy nhiên anh T đều vắng mặt không có lý do. Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương, kết quả thể hiện anh T có đăng ký HKTT tại Khu 1, xã TV, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Qua xác minh bà Nguyễn Thị Sự là mẹ đẻ của anh T thì anh T hiện nay đang đi làm gạch ở Bình Dương nên mặc dù biết nội dung Toà triệu tập đến làm việc nhưng anh T không về được. Căn cứ quy định tại Khoản 1, Điều 207 BLTTDS vụ án thuộc trường hợp không hòa giải được.

Chị A có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt; căn cứ Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 BLTTDS, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

2. Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị A kết hôn với anh T vào ngày 15/11/2004, việc kết hôn là tự nguyện và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã TV, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, đây một hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa Chị A và anh T xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không hợp nhau, hai bên không cùng quan điểm sống. Đến năm 2019 thì vợ chồng anh chị sống ly thân. Nay chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị được ly hôn anh T. Quá trình giải quyết anh T đều vắng mặt không đến Tòa án tham gia hòa giải. Bà Nguyễn Thị Sự là mẹ đẻ của anh T cho biết, anh T biết việc chị A xin ly hôn, quan điểm là nhất trí ly hôn. Chính quyền địa phương, Hội phụ nữ xã TV, huyện Thanh Thủy xác định; Chị A và anh T đã sống ly thân không còn chung sống cùng nhau từ năm 2019, đề nghị Tòa án giải quyết đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

HĐXX xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị A và anh T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Hai bên đã sống ly thân được thời gian đã lâu, không có biện pháp hàn gắn tình cảm, không quan tâm, hợp tác hòa giải. Do đó cần chấp

nhận đơn khởi kiện của chị A, xử cho chị được ly hôn anh T là phù hợp, tránh ràng buộc không có lợi.

[2] Về con chung: Chị A và anh T có 02 con chung là Nguyễn Bảo L, sinh ngày 24/8/2005 và cháu Nguyễn Bảo K, sinh ngày 16/4/2015.

Hiện nay cả hai cháu đang ở với ông bà nội. Ly hôn chị A đề nghị được tôn trọng quyền lựa chọn của các cháu. Anh T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Toà án đã tiến hành lấy ý kiến của các cháu, hai cháu đều có nguyện vọng được ở với bố và ông bà nội. Tuy nhiên, khi Toà án triệu tập anh T đến để giải quyết xem xét nguyện vọng về con chung anh T vắng mặt không có lý do. Xét thấy, hiện nay anh T đang đi làm công nhân ở Bình Dương, không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục hai cháu. Ông bà nội đã già yếu không thể lo lắng cho các cháu học hành. Do đó, HĐXX thấy cần giao hai cháu Long và cháu Khánh cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp để đảm bảo cuộc sống cho hai cháu sau này. Chị A không đề nghị anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Chị A đề nghị tự thỏa thuận nhưng anh T vắng mặt. Do vậy HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí: Chị A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[5] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ: Khoản 4, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

*Căn cứ: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56, Điều 58, 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình;

*Căn cứ: Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị A được ly hôn anh Nguyễn Bá T.

2. Về con chung: Xử giao cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 24/8/2005 và cháu Nguyễn Bảo K, sinh ngày 16/4/2015 cho chị A trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ tháng 08/2022 cho đến khi các cháu thành niên. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị A và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: HĐXX không đặt ra giải quyết trong vụ án này, sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí DSST: Chị Nguyễn Thị A phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2020/0005951 ngày 15/04/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án, cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã TV (TB);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Xuân Bộ

